

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 509/2024/DS-PT

Ngày: 27-9-2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 07 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 362/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Lâm Quốc B**, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Nguyễn Trà Duy L, Luật sư - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; (có mặt)

2. Bi đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn P;**

Địa chỉ: Đường T, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: **Huỳnh Khánh N**, sinh năm 1983 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Huỳnh Khánh D**, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B trình bày:*

Vào ngày 12/3/2022, tôi và Công ty Trách nhiệm hữu hạn P(sau đây gọi là P) do bà Huỳnh Khánh N làm đại diện cùng ký kết Hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép BTCT(Bê tông cốt thép) số 003/22/HĐKT kèm Bản vẽ kỹ thuật, theo đó P cung cấp và thi công một hạng mục hàng rào bê-tông lắp ghép như sau:

- Hàng rào hệ panel: cao 2,7m, tường 55 x 300 x 1.880 (tường dày 55mm, rộng 300mm, dài 1.880mm), bước cột (nhịp) 2m;

- Chiều cao cột hàng rào BTCT là 4,2m, bao gồm: chân cột (chiều sâu chôn móng) 1,5m, phần lắp ghép tường BTCT 2,7m;

- Chiều dài hàng rào 230m;

- Giá trị hợp đồng là: **460.050.000 đồng** đã bao gồm thuế GTGT. Bao gồm:

+ Giá trị của: 1.035 tấm tường BTCT lõi rỗng, 116 cột hàng rào BTCT, phí vận chuyển là: 319.189.830 đồng;

+ Chi phí thi công, lắp dựng móng, cột, hàng rào là: 140.861.070 đồng.

- Thời gian hoàn thành công trình là 35 ngày làm việc (trừ Chủ nhật và nghỉ lễ) kể từ ngày ký kết hợp đồng 12/3/2022 cho đến ngày 28/4/2022 là hoàn tất thi công.

- Thanh toán 04 lần gồm:

+ Lần 1: Tạm ứng cho P 30% giá trị hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết trong thời hạn 02 ngày. Số tiền tương ứng là 140.000.000 đồng.

+ Lần 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng khi cho P phát hành thông báo đã sản xuất đủ hàng. Số tiền tương ứng là 184.000.000 đồng.

+ Lần 3: Thanh toán 20% giá trị hợp đồng khi hoàn tất giao hàng và thực hiện trên 70% khối lượng thi công. Số tiền tương ứng 92.000.000 đồng.

+ Lần 4: Thanh toán dứt điểm phần còn lại 10% giá trị Hợp đồng là 44.050.000 đồng sau khi nghiệm thu bàn giao công trình và nhận được chứng thư bảo lãnh bảo hành 5% do Ngân hàng bên P phát hành.

Đến ngày 13/4/2022, tôi đã thanh toán đủ 03 lần với tổng số tiền là: 416.000.000 đồng tương ứng 90% tổng công trình theo đúng giao kết tại Điều 03 của Hợp đồng nêu trên. Cụ thể: ngày 05/3/2022, thanh toán 30% giá trị hợp đồng là 140.000.000 đồng; ngày 22/3/2022, thanh toán 40% giá trị hợp đồng là 184.000.000 đồng và ngày 13/4/2022, thanh toán 20% giá trị hợp đồng là 92.000.000 đồng (có các Biên nhận thu tiền).

Tuy nhiên khi hết thời hạn thi công vào ngày 28/4/2022, tôi kiểm tra công trình thì phát hiện công tác thi công cột hàng rào không tuân thủ đúng theo bản vẽ kỹ thuật quy định, cụ thể là: cột hàng rào có chiều dài là 4,2m phải thi công phần chân cột (chiều sâu chôn móng) là 1,5m, còn lại phần cột dùng để lắp ráp tấm panel bê-tông là 2,7m; Nhưng thực tế khi thi công phần chân cột (chiều sâu chôn móng) chỉ đạt từ 1m đến 1,1m, thậm chí có một số cột bị cắt bỏ từ 0,15m đến 0,5m cho nên tôi đã yêu cầu đại diện P đến hiện trường để lập biên bản.

Vào ngày 07/5/2022, P cử đại diện là ông Huỳnh Khánh D, chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật và ông Huỳnh Quang T là đại diện của bên đơn vị thi công đã cùng với tôi kiểm tra thực trạng công trình xây dựng. Các bên thống nhất xác định công tác thi công cột hàng rào không đảm bảo kỹ thuật thi công, không đúng theo thiết kế và đã lập Biên bản hiện trường công trình hàng rào lắp ghép BTCT ghi nhận yêu cầu của chủ đầu tư là: Đề nghị nhà thầu tháo dỡ và làm lại đúng thiết kế, vật liệu xây dựng phải mua mới và bồi thường cho chủ đầu tư.

Đến ngày 27/5/2022, tôi có văn bản khiếu nại yêu cầu P phải tháo dỡ và làm lại hàng rào đúng theo thiết kế, theo nội dung Hợp đồng đã ký kết và theo kết luận tại Biên bản hiện trường công trình hàng rào lắp ghép BTCT ngày 07/5/2022.

Đến nay, Công ty P không những không thực hiện việc sửa chữa hạng mục công trình, không lập biên bản bàn giao và nghiệm thu công trình, không cung cấp chứng thư bảo lãnh 5% của Ngân hàng cho tôi mà lại yêu cầu tôi phải thanh toán hết 10% số tiền còn lại.

Do việc thi công không đúng thiết kế nên thực tế hàng rào này bị nghiêng về phía thửa đất liền kề, cho nên ngày 23/6/2022 tôi đã yêu cầu Thừa phát lại lập vi bằng về những vi phạm khi thi công xây dựng, không đảm bảo theo yêu cầu kỹ

thuật; vào ngày 16/9/2022 Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ lập Báo cáo kiểm tra, xác định chi phí gia cố hàng rào làm tròn là 83.000.000 đồng và chi phí thuê giám định là 35.000.000 đồng.

Xét thấy P đã không thực hiện đúng giao kết theo hợp đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp tôi, trong khi tôi đã nhiều lần tạo điều kiện để khắc phục, sửa chữa.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Chấm dứt hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT ký kết ngày 12/3/2022.

2. Buộc Công ty TNHH P bồi thường thiệt hại, chịu phạt vi phạm và thanh toán các chi phí như sau:

- Bồi thường chi phí gia cố hàng rào theo Báo cáo kết quả kiểm tra của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ làm tròn là 83.000.000 đồng (1);

- Phạt vi phạm hợp đồng do vi phạm tiến độ thi công, là 2% giá trị hợp đồng: 460.050.900 đồng x 2% = 9.201.018 đồng, làm tròn 9.200.000 đồng (2);

- Hoàn trả chi phí giám định thiệt hại là 35.000.000 đồng (3).

Tổng cộng: (1) + (2) + (3) = 127.200.000 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

*** Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B trình bày:**

Tôi không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH P, tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của tôi và có ý kiến trình bày bổ sung như sau:

- Từ sau ngày 07/5/2022, hoàn toàn không có ai liên hệ với tôi để trao đổi về hiện trạng của công trình xây dựng mà chỉ có 01 người (tôi không rõ họ tên) đến đe dọa yêu cầu tôi trả tiền cho Công ty.

- Trước khi Công ty tiến hành xây hàng rào thì tôi đã cho đổ cát lấp để san bằng các phần đất xây dựng hàng rào nên không có việc phân đất của tôi có chỗ thấp chỗ cao được. Sự việc này là do Công ty không làm đúng theo bản vẽ kỹ thuật nên mới có sự chênh lệch như vậy.

- Tôi không đồng ý Việc Công ty cho rằng có chi phí phát sinh với số tiền 72.835.000 đồng vì theo Hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT ký kết ngày 12/3/2022 là hợp đồng trọn gói với số tiền 460.050.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT) nên không có việc có thỏa thuận thêm về các chi phí phát sinh, đồng thời ngày 07/6/2022 Công ty đưa cho tôi thông báo thanh toán số tiền 116.885.000 đồng nhưng thời điểm này hai bên đã phát sinh

tranh chấp nên tôi không có văn bản trả lời phía công ty, điều này không thể hiện tôi đồng ý với những khoản phát sinh này. Và do Công ty đã không thực hiện đúng như tiến độ đã thỏa thuận và có những sai phạm như tôi đã trình bày nên tôi không đồng ý việc Công ty yêu cầu tôi trả 10% số tiền còn lại theo Hợp đồng.

- Công ty cũng chưa phát hành chứng thư bảo lãnh 5% của ngân hàng, chưa lập bảng nghiệm thu và bàn giao công trình cho tôi theo Điều 3 của Hợp đồng. Và về việc Công ty cho rằng tôi cố ý sửa chữa gia cố thêm cho hàng rào là không đúng, hiện nay hiện trạng vẫn còn nguyên hiện trạng như khi lập biên bản ngày 07/5/2022 và hiện trạng này tôi đã lập vi bằng, chỉ có 01 phần của hàng rào bị nghiêng qua phần đất của người khác nên tôi có đổ thêm cát lấp để tạm thời giữ cho hàng rào không bị nghiêng đổ gây hư hỏng tài sản.

+ Theo đơn yêu cầu phản tố, bản khai, biên bản hòa giải - Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Công ty TNHH P (Công ty) thống nhất với phần trình bày của anh B về nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Lâm Quốc B vì:

- Anh B cho rằng Công ty thực hiện không đúng theo tiến độ là không đúng vì theo Hợp đồng đã thỏa thuận, khi thi công sẽ trừ ngày lễ và chủ nhật, trừ các ngày mưa lớn. Do đó, Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ theo Hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT ký kết ngày 12/3/2022. Ngày 07/5/2022, khi Công ty tiến hành lập Biên bản nghiệm thu công trình để tiến hành bàn giao cho anh B thì anh B không đồng ý và có ý kiến chủ quan “Đề nghị nhà thầu tháo dỡ và làm lại đúng thiết kế vật liệu xây dựng phải mua mới và bồi thường cho chủ đầu tư”. Anh Huỳnh Khánh D là đại diện quản lý kỹ thuật của Công ty đã ghi nhận lại và báo cáo lại Công ty. Sau đó Công ty đã nhiều lần liên hệ với anh B qua điện thoại và tìm gặp anh B nhưng anh B cố tình né tránh nên Công ty không thể gặp được anh B để làm việc với nhau.

- Anh B cho rằng “cột hàng rào không tuân thủ đúng theo bản vẽ kỹ thuật quy định, cụ thể là: cột hàng rào có chiều dài là 4,2m phải thi công phần chân cột (chiều sâu chôn móng) là 1,5m, còn lại phần cột dùng để lắp ráp tấm panel bê-tông là 2,7m; Nhưng thực tế khi thi công phần chân cột (chiều sâu chôn móng) chỉ đạt từ 1m đến 1,1m, thậm chí có một số cột bị cắt bỏ từ 0,15m đến 0,5m” là không phù hợp với thực tế. Vì khi thi công, dựa vào độ cao của hàng rào làm chuẩn và phụ thuộc vào phần đất, phần đất thi công hàng rào của anh B có chỗ thấp chỗ cao nên phần cột chôn dưới đất

sẽ có sự chênh lệch, không thể đúng chiều dài như anh B yêu cầu được, như thế thì phần phía trên sẽ chênh lệch theo.

- Theo luật xây dựng thì khi chưa nghiệm thu thì công trình còn thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty, khách hàng không được tự ý sử dụng nhưng phía anh B cố tình sửa chữa gia cố mà không thông qua Công ty, điều này làm mất đi dấu vết ban đầu và anh B tự ý sử dụng công trình và lợi dụng một số tiểu tiết để đánh tráo khái niệm, chiếm dụng tài sản của Công ty là sai quy định.

- Đồng thời, quá trình thi công lắp hàng rào cho anh B có phát sinh khối lượng và được sự thống nhất của anh B nên phía Công ty tiến hành thi công và hoàn thành, ngày 07/5/2022 nghiệm thu bàn giao thì anh B không thanh toán 10% còn lại và chi phí phát sinh nhưng không nói lý do. Ngày 07/6/2022, phía Công ty đã ra Thông báo thanh toán và gửi cho anh B nhưng anh B vẫn không thanh toán.

Do anh B không có thiện chí thương lượng và không cho Công ty tiếp cận công trình và không chịu ký biên bản nghiệm thu, không thanh toán các chi phí nên Công ty TNHH P có yêu cầu khởi kiện phản tố như sau:

- Yêu cầu anh Nguyễn Lâm Quốc B thanh toán 10% còn lại theo Hợp đồng với số tiền 44.050.000 đồng.

- Yêu cầu anh Nguyễn Lâm Quốc B thanh toán các đơn hàng phát sinh với số tiền 72.835.000 đồng.

Tổng cộng, Công ty yêu cầu anh B thanh toán số tiền 116.885.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất do chậm trả là 1,66%/tháng từ ngày 07/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử, Yêu cầu thanh toán khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Bồi thường chi phí gia cố hàng rào theo Báo cáo kết quả kiểm tra của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ làm tròn là 83.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Hoàng A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đồng thời cung cấp “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng tường xây thừa đất” do Công ty TNHH MTV Đo đạc P và Công ty TNHH Đo đạc Đ thực hiện và có yêu cầu được giám định lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết về kết cấu xây dựng. Như vậy bị đơn đã vi phạm hợp đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấm dứt hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT ký kết ngày 12/3/2022, buộc bị đơn

phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 44.200.000 đồng, bao gồm: phạt vi phạm tiến độ thi công 2% trên giá trị hợp đồng (460.050.900 đồng x 2%) là 9.200.000 đồng, hoàn trả chi phí giám định thiệt hại 35.000.000 đồng.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d, g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 138, Điều 140, Điều 141, Điều 144, Điều 145, Điều 147 Luật Xây dựng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Đình chỉ xét xử đối đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút về yêu cầu Bồi thường chi phí gia cố hàng rào theo Báo cáo kết quả kiểm tra của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ làm tròn là 83.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B.

Chấm dứt hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT ký kết ngày 12/3/2022.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B 44.200.000 đồng(phạt vi phạm hợp đồng 9.200.000 đồng, tiền chi phí giám định chất lượng công trình 35.000.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bị đơn còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 116.885.000 đồng(Yêu cầu anh Nguyễn Lâm Quốc B thanh toán 10% còn lại theo Hợp đồng với số tiền 44.050.000 đồng; Yêu cầu anh Nguyễn Lâm Quốc B thanh toán các đơn hàng phát sinh với số tiền 72.835.000 đồng).

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/4/2024, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có đơn kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích nguyên đơn cho rằng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; đã vi phạm hợp đồng xây dựng không đúng thiết kế bản vẽ, vi phạm về thời gian, không có biên bản nghiệm thu công trình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu (có bài phát biểu) Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng xây dựng” đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 12/03/2022 anh Nguyễn Lâm Quốc B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có ký kết Hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT với các nội dung:

Hàng rào cao 2,7 m, hệ panel 55x300- bước cột 2m. Chiều dài tạm tính: 230m. Chi tiết xem bản vẽ kỹ thuật.

Tổng giá trị đơn hàng là 460.050.070 đồng được thanh toán làm 04 lần:

Lần 1: 30% là 140.000.000 đồng.

Lần 2: 40% là 184.000.000 đồng.

Lần 3: 20% là 92.000.000 đồng.

Lần 4: 10% là 44.050.000 đồng.

Ghi chú: Bản vẽ kỹ thuật là một phần không thể tách rời trong hợp đồng này. Hàng hóa đã sản xuất theo kích thước đơn đặt hàng nêu trên sẽ không được hoàn lại.

Bảng đơn hàng chỉ là tạm tính, giá trị quyết toán sẽ dựa vào đơn giá nêu trên và khối lượng thực tế tại công trình.

Thời hạn hoàn thành công trình là 35 ngày làm việc (không tính thứ bảy chủ nhật). Trường hợp trễ tiến độ phải giải trình hợp lý và được sự đồng ý của bên B. Tổng tiến độ bị trễ không quá 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn sẽ phạt 2% giá trị hợp đồng.

*Chứng từ làm cơ sở quyết toán 1 gồm biên bản nhiệm thu tại công trình bên B và chứng thư bảo lãnh, bảo hành 5% của Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện anh B đã thanh toán cho **Công ty TNHH P** tổng cộng 03 lần với tổng số tiền 416.000.000 đồng tương đương 90% tổng công trình theo Hợp đồng ký kết, cụ thể: lần 1, ngày 05/3/2022 thanh toán 30% giá trị hợp đồng là 140.000.000 đồng; lần 2, ngày 23/3/2022 thanh toán 40% giá trị hợp đồng là 184.000.000 đồng; lần 3, ngày 13/4/2022 thanh toán 20% giá trị hợp đồng là 92.000.000 đồng. (Có biên nhận, biên lai thu tiền).

Hết thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày 12/3/2022 (trừ thứ bảy, chủ nhật) ngày kết thúc hợp đồng là ngày 28/4/2022 nhưng Công ty TNHH P chưa hoàn thành công trình không có biên bản nhiệm thu tại công trình bên B và chứng thư bảo lãnh, bảo hành 5% của Ngân hàng mà đến ngày 07/5/2022 hai bên có lập biên bản hiện trường công trình hàng rào lắp ghép BTCT có anh B và anh Huỳnh Khánh D trưởng Phòng kỹ thuật Công ty TNHH P ký tên vào nội dung “phát hiện

đơn vị thi công làm không đúng bản vẽ chủ đầu tư lập biên bản để đơn vị thi công phải làm đúng thiết kế như ban đầu”. Sự việc này anh B có yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại P1 (địa chỉ đường L, Khóm B, Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh) lập vi bằng ngày 23/6/2022.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B có ký kết Hợp đồng số 18/2022/HĐTN ngày 09/8/2022 với Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ (đơn vị có tư cách pháp nhân) để kiểm tra về chiều sâu chôn cột hàng rào, độ nghiêng của tường rào và cao độ đỉnh tường rào. Kết quả:

+ Chiều sâu chôn trụ hàng rào bình quân thiếu 0,3 đến 0,56 mét so với thiết kế là 1,5 mét (quy định trong hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn).

+ Tổng chiều dài trụ hàng rào thiếu 0,01 đến 0,3 mét

+ Độ nghiêng tường rào từ 10mm đến 29mm, theo TCVN 4453:2012 kết cấu khung cột độ nghiêng cho phép ≤ 10 mm (Độ nghiêng tường rào không đạt yêu cầu).

+ Về cao độ do cao độ lấy cao độ giả định, thiết kế không có cao độ cụ thể và qua kiểm tra cao độ đỉnh tường không biến động nhiều theo chiều dài nên không có lún sụt bộ.

[3.1] Anh B yêu cầu Công ty TNHH P bồi thường thiệt hại cho anh là 83.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên Tòa sơ thẩm anh B rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Bồi thường chi phí gia cố hàng rào theo Báo cáo kết quả kiểm tra của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ làm tròn là 83.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án cấp sơ thẩm Đình chỉ yêu cầu này của anh B là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu của anh B yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ thi công của Công ty TNHH P là 02% trên giá trị hợp đồng 460.050.900 đồng x 02% = 9.201.018 đồng làm tròn 9.200.000 đồng.

Nhận thấy tại Điều 2 của Hợp đồng về thời gian thực hiện và bảo hành, quy định: Thời gian thực hiện hoàn thành công trình là 35 ngày làm việc (trừ những ngày chủ nhật và nghỉ lễ, do mưa bão, lũ lụt ... và những ngày dừng thi công để chờ nghiệm thu do bên B yêu cầu) kể từ ngày ký kết hợp đồng 12/3/2022 cho đến ngày 28/4/2022 là hoàn tất thi công. Tuy nhiên đến ngày 07/5/2022 công trình chưa được thực hiện xong,

chưa nghiệm thu. Giữa nguyên đơn và bị đơn có lập biên bản hiện trường công trình hàng rào lắp ghép BTCT có sự chứng kiến của anh Nguyễn Lâm Quốc B và phía bị đơn có anh Huỳnh Khắc D - Trưởng phòng Kỹ thuật P và anh Huỳnh Quang T - Đại diện đơn vị thi công. Nội dung thể hiện: Đề nghị nhà thầu tháo dỡ và làm lại đúng thiết kế vật liệu xây dựng phải mua mới và bồi thường cho chủ đầu tư.

Như vậy đến thời điểm ngày 07/5/2022 đã quá thời hạn thực hiện theo hợp đồng đã thỏa thuận, tiến độ bị chậm trễ. Nên nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ thi công 02% trên giá trị hợp đồng $460.050.900 \text{ đồng} \times 02\% = 9.201.018 \text{ đồng}$ làm tròn 9.200.000 đồng là có cơ sở.

[3.3] Ngoài ra anh B yêu cầu Công ty TNHH P hoàn trả chi phí do anh B có ký kết Hợp đồng số 18/2022/HĐTN ngày 09/8/2022 với Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ (đơn vị có tư cách pháp nhân) để kiểm tra về chiều sâu chôn cột hàng rào, độ nghiêng của tường rào và cao độ đỉnh tường rào với chi phí 35.000.000 đồng. Xét thấy việc yêu cầu này là có căn cứ. Bởi vì ngày 07/5/2022 anh B và Đại diện Công ty TNHH P đã có lập biên bản hiện trường công trình xác định là bên diện Công ty TNHH P xây dựng không đúng thiết kế bản vẽ nhưng Công ty TNHH P không khắc phục do đó chứng minh cho yêu cầu khởi kiện anh B ký hợp đồng Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ để xác định thiệt hại chi phí là 35.000.000 đồng yêu cầu Công ty TNHH P hoàn trả là có căn cứ.

[3.4] Ngoài ra anh B yêu cầu diện Công ty TNHH P chấm dứt Hợp đồng số 003/22/HĐKT 12/03/2022 anh Nguyễn Lâm Quốc B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về việc cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT xét thấy yêu cầu này là có căn cứ. Bởi vì thời gian ký kết trong hợp đồng đã hết đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn có vi phạm nên anh B yêu cầu hủy hợp đồng là phù hợp với Điều 145 Luật Xây dựng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của bị đơn về yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng là 116.885.000 đồng là không có cơ sở vì công trình chưa thực hiện xong, chưa được nghiệm thu do bị đơn vi phạm hợp đồng như đã phân tích trên. Việc bị đơn có cung cấp đơn hàng phát sinh (không ghi ngày tháng, không có xác nhận của khách hàng) và thông báo thanh toán đề ngày 07/6/2022 kèm theo đơn khởi kiện không được anh B thừa nhận, nên không có giá trị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d, g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 138, Điều 140, Điều 141, Điều 144, Điều 145, Điều 147 Luật Xây dựng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Đình chỉ xét xử đối đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút về yêu cầu Bồi thường chi phí gia cố hàng rào theo Báo cáo kết quả kiểm tra của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đ làm tròn là 83.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B.

Chấm dứt hợp đồng cung cấp và thi công hàng rào lắp ghép bê tông cốt thép (BTCT) số 003/22/HĐKT ký kết ngày 12/3/2022.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Lâm Quốc B 44.200.000 đồng (phạt vi phạm hợp đồng 9.200.000 đồng, tiền chi phí giám định chất lượng công trình 35.000.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bị đơn còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 116.885.000 đồng (Yêu cầu anh Nguyễn Lâm Quốc B thanh toán 10% còn lại theo Hợp đồng với số tiền 44.050.000 đồng; Yêu cầu anh Nguyễn Lâm Quốc B thanh toán các đơn hàng phát sinh với số tiền 72.835.000 đồng).

4. Về án phí:

Hoàn lại cho nguyên đơn 3.475.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025209 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bị đơn phải chịu 8.054.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Bị đơn đã nộp 3.213.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025424 ngày 01/12/2022 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007428 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên còn phải nộp tiếp số tiền 4.841.000 đồng .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em